

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2017/HS.ST
Ngày: 25 – 7 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tàu
2. Bà Vũ Thương Nhất

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa:
Ông Chau Rết - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng huyện Tỉnh Biên xét xử lưu động sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2017/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/HSST – QĐ ngày 10/7/2017 đối với các bị cáo:

1.Đanh Hoài Th (Danh Th), sinh năm 1981; Nơi sinh: Kiên Giang; Nơi đăng ký HKTT: Không nơi cư trú nhất định; Chỗ ở hiện nay:Tổ 14, khóm 1, thị trấn C L, huyện T B, tỉnh An Giang; Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 6/12 ; con ông **Danh Th** ,(Chết)và bà **Thị Th**, sinh năm 1949; anh, em có 05 người, bị cáo là người thứ ba

Tiền sự: Chưa

Tiền án: 02 lần

-Lần 1: Ngày 18/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xử phạt 02 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ” thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2011. Đến ngày 30/9/2013 chấp hành xong hình phạt.

-Lần 2:Ngày 29/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày 25/5/2014. Đến ngày 23/01/2016 chấp hành xong hình phạt

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/02/2017 cho đến nay
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.Trần Văn H, sinh năm 1989; Nơi sinh: An Giang; Nơi đăng ký HKTT:Tổ 11, khóm II, thị trấn C L, huyện T B,tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 11, khóm II, thị trấn C L, huyện T B,tỉnh An Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo:Đạo Phật; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ ; con ông **Trần Văn B**,(Chết) và bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1958; anh, em có 08 người, bị cáo là người thứ sáu; Vợ Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1989 (Đã ly hôn); có 01 con (5 tuổi)

Tiền sự: chưa.

Tiền án: 03 lần

-Lần 1: Ngày 24/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2008. Đến ngày 22/02/2011 chấp hành xong hình phạt

-Lần 2: Ngày 26/10/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2012. Đến ngày 13/01/2014 chấp hành xong hình phạt

-Lần 3: Ngày 22/10/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2014. Đến ngày 24/11/2016 chấp hành xong hình phạt

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/02/2017 cho đến nay

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh **Lê Hoàng Nh**,sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp K C, xã K H, huyện C P, tỉnh An Giang - Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Khóm II, thị trấn C L, huyện T B, tỉnh An Giang - Có mặt

- Anh **Trần Hoàng A**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Khóm II, thị trấn C L, huyện T B, tỉnh An Giang - Có mặt

-Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khóm II, thị trấn C L, huyện T B, tỉnh An Giang - Vắng mặt

- Anh **Lê Tuấn A**, sinh năm 1995; Ấp K C, xã K H, huyện C P, tỉnh An Giang - Có mặt

Người phiên dịch: Ông **Lục Tà D** – Cán bộ Đài phát thanh huyện T B – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 15/02/2017, Trần Văn H điều khiển xe mô tô biển số 60M2-8168 chở Danh Hoài Th đến nhà Chí L (bạn Th) ở xã Tân Lập chơi. Khi đến khu vực ấp Mỹ Á, xã Núi Voi thấy anh Lê Tuấn A nằm trên cầu số 1 phía sau xe mô tô biển số 67F1-222.81 và Lê Hoàng N ngồi bên cạnh nghe điện thoại, thì Th nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của N nên kêu H dừng xe cách N khoảng 01 mét, rồi Th đi đến giật điện thoại nhãn hiệu SamSung galaxy J7 của N và bỏ chạy về hướng xã Tân Lập. Thấy Th giật điện thoại của N, nên H định điều khiển xe bỏ chạy thì N cùng Tuấn A tri hô “Cướp, cướp” và giằng co với H ngã xuống đường. Trong lúc giằng co H bị rơi điện thoại di động hiệu SamSung ET200Y và chìa khóa xe (trên chìa khóa có móc khóa hình con cá, một mặt ghi chữ HÂN, một mặt ghi số 1989) xuống đường. Giằng co một lúc H bỏ chạy về hướng xã Tân Lập, nên Tuấn A nhặt lấy chìa khóa và điện thoại mang đến Công an xã NV trình báo vụ việc và giao nộp. Sau đó H quay lại dẫn xe về hướng UBND xã N V nhờ anh Lê Văn N mở khóa xe nhưng không được nên H dẫn xe gửi nhà bà Phan Thị H (bà nội H), rồi đi bộ đến gần ngã ba đường về thị trấn Chi Lăng thì gặp Th nên cả hai đi bộ về hướng thị trấn Chi Lăng. Trên đường, Th đưa điện thoại di động cho H cất giấu và nói là giật được của N nên H lấy điện thoại cất giấu trong người rồi đi về nhà, còn Th đi đến trước chợ tươi sống thị trấn Chi Lăng ngồi uống rượu. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 16/02/2017, Th gặp anh Trần Thanh T chạy xe Honda đầu nên kêu chở đến nhà H. Đến nơi, Th kêu anh T bán điện thoại di động nhãn hiệu SamSung galaxy J7, rồi đi vào nhà kêu H đưa điện thoại cho anh T xem và kêu giá bán 1.000.000 đồng thì anh T trả 900.000 đồng, Th đồng ý bán và chia cho H 500.000 đồng, T lấy 400.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Hiện tang vật được thu hồi trả chủ sở hữu.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 198/KL.HĐĐG-TTHS ngày 27/02/2017 và Số 405/KL.HĐĐG-TTHS ngày 11/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự ghi nhận:

-Điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy J7, trị giá 2.295.000 đồng

-Ốp lưng điện thoại di động SamSung Galaxy J7, trị giá 24.000 đồng

Tổng trị giá tài sản thiệt hại là : 2.319.000 đồng

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì Bản kết luận định giá tài sản

Tại bản cáo trạng số 03/VKS - HS ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên đã truy tố Danh Hoài Th về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; Trần Văn H về tội “*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Danh Hoài Th và Trần Văn H thừa nhận đã thực hiện toàn bộ hành phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu, rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho hoàn cảnh của gia đình, giảm nhẹ hình phạt

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Danh Hoài Th về tội “*Cướp giạt tài sản*”, Trần Văn H về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”

. Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 136 điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt: Danh Hoài Th từ 05 năm 07 năm tù

Về tội Cướp giạt tài sản

*Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt: Trần Văn H từ 03 năm đến 04 năm tù

Về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo

* Vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, :

- Trả lại xe mô tô biển số 60M2-8168 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Kim Y cho Trần Hoàng A

- Trả lại điện thoại di động Samsung GT-ET200Y màu trắng, 01 chùm chìa khóa gồm 3 chiếc và một móc gắn chìa khóa cho bị cáo H

-Trả lại điện thoại di động Mobiistar màu trắng- cam cho bị cáo Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tịnh Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Những chứng cứ xác định tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Danh Hoài Th khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 15/02/2017, trong lúc đang ngồi ở đầu chợ C L thì gặp H, nên rủ H đi đến nhà L ở xã Tân Lập chơi thì H đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô biển số 60M2-8168 chạy theo hướng CL – N V ra Tân Lập, khi đến khu vực ấp Mỹ Á, xã N V (Cầu số 1) thấy N đang ngồi nghe điện thoại thì nảy sinh ý định chiếm đoạt nên kêu H dừng xe lại, rồi bị cáo bước đến giật điện thoại từ tay N và bỏ chạy về hướng xã Tân Lập, sợ người dân nghe và rượt đuổi nên đã núp vào bụi cây ven đường khoảng 30 phút thì đi lại cầu số 1, khi lại đây không gặp H nên đi bộ về hướng xã N V để về nhà

Bị cáo Danh Hoài Th và Trần Văn H cùng khai nhận: Trong lúc đi về C L đến khu vực Trạm xăng dầu Sư đoàn 330 thì Th gặp H, Th nói cho H là đã lấy được điện thoại di động của người thanh niên trên cầu số 1 và đưa cho H rồi cả hai cùng về, khi về đến C L thì H rẽ về nhà còn Th thì đến đầu chợ C L tiếp tục uống rượu. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 16/02/2017 Th thấy T (là người chạy xe Honda ôm), Th hỏi T có mua điện thoại không, T đồng ý mua thì Th cùng T đến nhà H kêu H đưa điện thoại để bán cho T được 900.000 đồng Th đưa cho H 500.000 đồng, Th giữ lại 400.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai sau đây:

-Anh Lê Hoàng N cho biết: Khoảng 22 giờ ngày 15/02/2017, sau khi đã uống rượu anh điều khiển xe mô tô biển số 67F1-222.81 chở Lê Tuấn A về nhà (hướng NV – Tân Lập), khi đến khu vực ấp Mỹ Á, xã N V thì dừng xe trên cầu số 1 cho Tuấn A đi vệ sinh, sau đó lấy điện thoại Samsung J7 của Tuấn A ra gọi cho chị Th (mẹ ruột). Trong lúc đang nói chuyện điện thoại thì thấy H điều khiển xe mô tô biển số 60M2- 8168 chở Th đến đậu gần xe của anh, Th bước xuống xe đi lại giật điện thoại của anh rồi bỏ chạy. Hiện cơ quan Điều tra đã giao trả điện thoại lại cho Tuấn A, nên anh không có yêu cầu gì.

-Bị cáo Trần Văn H khai: Trong lúc đang chở Th đi từ C L đến xã Tân Lập, khi đến cầu số 1 thuộc xã N V thấy có hai người thanh niên (Một người đang đứng và một người đang ngồi phía sau xe mô tô). Lúc này Th kêu dừng xe lại, Th xuống xe đi lại chỗ hai thanh niên rồi bỏ đi xuống cầu hướng xã Tân Lập và đi rất nhanh, hai người thanh niên này xong lại kêu bị cáo trả điện thoại thì bị cáo mới biết Th đã chiếm đoạt điện thoại của họ

-Anh Lê Tuấn A khai: Trong lúc N đang gọi điện thoại về gia đình thì nghe N tri hô “Trả điện thoại lại cho tao”, nên anh đứng lên thấy N giằng co xe với H nên anh dùng mũ bảo hiểm đánh vào người H và cùng N giằng co xe với

H. H bỏ chạy làm rơi điện thoại di động và chìa khóa trên đường nên anh nhặt và cùng N về chỗ đậu ghe tại cầu 13 Tri Tôn, đến sáng ngày hôm sau N đến công an xã N V giao nộp và trình báo. Hiện anh đã nhận lại điện thoại, không yêu cầu gì.

-Anh Trần Thanh T cho biết: Khoảng 01 giờ ngày 16/02/2017 Th kêu chờ đến nhà H để lấy điện thoại. Đến nơi Th lấy điện thoại di động SamSung J7 mang ra kêu bán, anh đồng ý mua 900.000 đồng thì Th bán, nên anh trả tiền cho Th. Khi mua anh không biết điện thoại do phạm tội mà có, nên đã giao nộp cho Công an. Hiện anh không yêu cầu gì

Lời khai của các bị cáo còn phù hợp với biên bản nhận dạng, Biên bản khám nghiệm hiện trường của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tịnh Biên, bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Biên bản tạm giữ tang vật và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Danh Hoài Th đã có hành vi chiếm đoạt (giật) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J7 trị giá 2.319.000 đồng của anh Lê Hoàng N rồi nhanh chóng bỏ chạy

Bị cáo Trần Văn H biết rõ điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy J7 là do bị cáo Th cướp giật được của người khác, nhưng vẫn đem về nhà cất giấu, sau đó để Th đem bán được 900.000 đồng chia nhau tiêu xài

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý, do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Danh Hoài Th đã phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, Trần Văn H đã phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người đúng tội. Bị cáo Danh Hoài Th và bị cáo Trần Văn H thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung là “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 và điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2009

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; cụ thể: Hành vi phạm tội của Danh Hoài Th đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của con người được pháp luật bảo vệ, ngoài ra còn gây sự hoang mang trong quần chúng nhân dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương; đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn H, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, ngoài ra nó còn gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Chính vì vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc, xét cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Th từ 05 năm đến 07 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” và bị cáo H mức án từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” là có cơ sở chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo cùng không có nghề nghiệp ổn định, không nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền

[4].Các biện pháp tư pháp:

*Trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

*Xử lý vật chứng:

-Điện thoại di động hiệu Samsung GT-ET200Y và chùm chìa khóa của bị cáo H,Điện thoại di động hiệu Mobiisatar của bị cáo Th được thu giữ phục vụ cho công tác điều tra nhưng không liên quan đến việc phạm tội nên được trả lại cho các bị cáo

-Xe mô tô biển số 60M2-8168 và giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Kim Y là của anh Trần Hoàng A mua ở tiệm bán xe cũ ở Bình Dương năm 2016 nhưng chưa sang tên,cho H mượn đi làm thuê, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, hiện anh có yêu cầu nhận lại, nên trả lại cho anh Trần Hoàng A

[5].Về án phí:

Các bị cáo Danh Hoài Th và Trần Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Danh Hoài Th** phạm tội“*Cướp giật tài sản*” , bị cáo **Trần Văn H** phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt :

Danh Hoài Th 05 (Năm) năm tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 17/02/2017 (Ngày mười bảy, tháng hai, năm hai ngàn không trăm mười bảy)

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt:

Trần Văn H 03 (Ba) năm tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 17/02/2017 (Ngày mười bảy, tháng hai, năm hai ngàn không trăm mười bảy)

Các biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Trần Hoàng A: 01 (Một) xe mô tô Wave Trung Quốc, màu Đỏ, biển số 60M2-8168, số máy FMH-00054519; số khung: 022LK-054519, nhãn hiệu: LISOHAKA (Xe đã qua sử dụng) và 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 60M2-8168; họ tên chủ xe: Nguyễn Thị Kim Y 1968; nơi ĐKKHKT: 128/26B Tân Hòa, Hóa An, Biên Hòa; Cấp ngày 28/7/2003.

- Trả lại cho bị cáo Danh Hoài Th: 01 (Một) điện thoại di động hiệu: Mobistar, màu; Trắng- cam; Moded: B221; số IMEL: 352221020459307(điện thoại đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn H: 01(Một) chùm chìa khóa gồm: 03 (ba) chiếc chìa khóa, mỗi chìa dài 05cm, phần nhựa màu đen gắn dính với chìa khóa dài 02cm, chìa khóa bằng kim loại màu trắng dài 03cm;01 (Một) móc gắn chìa khóa có hình con cá, màu: Vàng xanh đen đỏ, được làm bằng sợi; Phần thân con cá bên trái có số 1989; Phần thân con cá bên phải có chữ HẬN; 02 (hai) cái khoen bằng kim loại, màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tịnh Biên và Cơ quanThi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên).

Về án phí

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc **Danh Hoài Th** và **Trần Văn H**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 231 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Các bị cáo **Danh Hoài Th** và **Trần Văn H** và đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện TB (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện TB (01);
- Bộ phận THA Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Bị cáo;
- Người bào chữa
- Người bị hại,
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thiện

